1)Thay đổi Template

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Thay đổi template** |
| **Brief description** | Người dùng cơ bản được thay đổi Template của ePortfolio |
| **Actor(s)** | Người dùng cơ bản |
| **Pre-conditions** | Người dùng cơ bản đang thực hiện chức năng tùy chỉnh giao diện. |
| **Post-conditions** | Sau khi usecase này hoàn tất thì hệ thống tự động cập nhật dữ liệu và quay về trang tùy chỉnh giao diện. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use key này được kích hoạt khi người dùng cơ bản thực hiện chức năng thay đổi template (trong khi thực hiện chức năng tùy chỉnh giao diện):   1. Hệ thống chuyển hướng đến trang thay đổi template, gồm template gốc của người dùng và danh sách các template khác, cho phép người dùng cơ bản thay đổi template. 2. Người dùng cơ bản chọn template muốn đổi. 3. Hệ thống đồng bộ thông tin người dùng và mẫu CV trên bảng xem thử 4. Hệ thống hiện thông báo xác nhận yêu cầu đổi template 5. Người dùng cơ bản xác nhận đổi template 6. Hệ thống cập nhật template. |
| Alternative flow  (Thất bại) | Ở bước số (5) nếu người dùng cơ bản không xác nhận thay đổi template thì template sẽ không bị thay đổi, hệ thống sẽ quay về bước số (2) |
| **Extension point** | Hệ thống hiển thị các thông tin chi tiết của sản phẩm để người dùng cơ bản thay đổi template, hiện các nút, lưu, hủy để người quản lí xác nhận kết thúc việc thay đổi |

2)Thay đổi mẫu CV

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Chỉnh sửa mẫu CV** |
| **Brief description** | Người dùng cơ bản được thay đổi mẫu của CV |
| **Actor(s)** | Người dùng cơ bản |
| **Pre-conditions** | Người dùng cơ bản đang thực hiện chức năng quản lý CV. |
| **Post-conditions** | Sau khi use key này hoàn tất thì hệ thống tự động cập nhật dữ liệu và quay về trang quản lý CV. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Usecase này được kích hoạt khi người dùng cơ bản thực hiện chức năng thay đổi mẫu CV (trong khi thực hiện chức năng quản lý CV):   1. Hệ thống chuyển hướng đến trang thay đổi mẫu CV, gồm CV gốc của người dùng và danh sách các mẫu CV khác, cho phép người dùng cơ bản thay đổi mẫu CV. 2. Người dùng cơ bản chọn mẫu CV muốn đổi. 3. Hệ thống đồng bộ thông tin người dùng và mẫu CV trên bảng xem thử 4. Hệ thống hiện thông báo xác nhận yêu cầu đổi template 5. Người dùng cơ bản xác nhận đổi mẫu CV 6. Hệ thống cập nhật mẫu CV. |
| Alternative flow  (Thất bại) | Ở bước số (5) nếu người dùng cơ bản không xác nhận thay đổi mẫu CV thì mẫu CV sẽ không bị thay đổi, hệ thống sẽ quay về bước số (2) |
| **Extension point** | Hệ thống hiển thị các thông tin chi tiết của sản phẩm để người dùng cơ bản thay đổi mẫu CV, hiện các nút, lưu, hủy để người quản lí xác nhận kết thúc việc thay đổi |

3) Thêm tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Thêm tài khoản** |
| **Brief description** | Người quản trị viên hệ thống được phép thêm một tài khoản mới vào hệ thống mà không cần thông qua trang đăng kí |
| **Actor(s)** | Quản trị viên hệ thống |
| **Pre-conditions** | Quản trị viên hệ thống đã đăng nhập và xác thực vai trò với hệ thống, đang thực hiện chức năng quản trị người dùng |
| **Post-conditions** | Sau khi thêm tài khoản mới vào hệ thống, tài khoản này sẽ được hệ thống gửi email để xác thực |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Usecase này được kích hoạt khi người dùng thực hiện chức năng them tài khoản liên kết (trong quá trình thực hiện chức năng quản trị tài khoản liên kết):   1. Hệ thống hiển thị form nhập thông tài khoản 2. Quản trị viên hệ thống nhập thông tin 3. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ 4. Hệ thống tạo tài khoản mới 5. Hệ thống cập nhật CSDL |
| Alternative flow  (Thất bại) | Nếu ở bước (3) của Basic flow hệ thống kiểm tra thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo lỗi và yêu cầu quản trị viên hệ thống nhập lại |
| **Extension point** | Không có |

4) Thêm tài khoản liên kết

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Thêm tài khoản liên kết** |
| **Brief description** | Người dùng dùng được thêm một tài khoản liên kết mới vào hệ thống. |
| **Actor(s)** | Người dùng, Quản trị viên hệ thống, Người dùng cơ bản, Người dùng đặc biệt. |
| **Pre-conditions** | Người dùng đang thực hiện chức năng quản lí tài khoản liên kết |
| **Post-conditions** | Sau khi use key này hoàn tất thì hệ thống tự động cập nhật dữ liệu và quay về trang quản lý tài khoản liên kết. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use key này được kích hoạt khi người dùng thống sử dụng chức năng thêm tài khoản liên kết mới vào hệ thống (trong quá trình thực hiện chức năng quản lí tài khoản liên kết):   1. Hệ thống hiển thị bảng các loại tài khoản có thể thêm mới 2. Người dùng chọn loại tài khoản muốn thêm mới 3. Hệ thống điều hướng đến trang đăng nhập của loại tài khoản bạn muốn thêm 4. Người dùng đăng nhập vào tài khoản muốn thêm 5. Hệ thống xác nhận thông tin API, token được trả về 6. Hệ thống cập nhật tài khoản được thêm mới. |
| Alternative flow  (Thất bại) | Nếu ở bước (5) của Basic flow người dùng,nếu hệ thống không nhân được API và token chính xác, người dùng sẽ thực hiện bước (4). |
| **Extension point** | Không có |

5) Tìm kiếm Portfolio

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Tìm kiếm Portfolio** |
| **Brief description** | Người dùng có thể tìm kiếm Portfolio mình muốn theo tên hoặc thông tin có trên Portfolio |
| **Actor(s)** | Người dùng đặc biệt |
| **Pre-conditions** | Người dùng đặc biệt đã đăng nhập và xác thực vai trò với hệ thống, đang thực hiện chức năng người dùng đặc biệt |
| **Post-conditions** | Nếu tra cứu thành công: hệ thống hiển thị thông tin Portfolio tương ứng  Nếu tra cứu thất bại: hệ thống thông báo Portfolio không tồn tại |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case này được kích hoạt khi người dùng thực hiện chức năng tìm kiếm một Portfolio trên trang web:   1. Hệ thống hiển thị thanh tìm kiếm để người dùng nhập thống tin 2. Người dùng nhập thông tin Portfolio cần tìm 3. Hệ thống lọc những Portfolio có thông tin giống với thông tin người dùng nhập |
| Alternative flow  (Thất bại) | Nếu không có Portfolio nào phù hợp hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho người dùng |
| **Extension point** | Không có |

6) Truy cập ShareCV

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Tìm kiếm Portfolio** |
| **Brief description** | Người dùng xem CV của người dùng cơ bản chia sẻ thông qua link người dùng cơ bản đó cung cấp. |
| **Actor(s)** | Người dùng ẩn danh, người dùng cơ bản, người dùng đặc biệt, quản trị viên hệ thống, người dùng. |
| **Pre-conditions** | Người dùng có được link người sở hữu CV đó chia sẻ |
| **Post-conditions** | Không có |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case này được kích hoạt khi người dùng truy cập vào link CV được chia sẻ:   1. Hệ thống hiển thị CV của người chia sẻ |
| Alternative flow  (Thất bại) | Nếu link chia sẻ sai hoặc hỏng thì hệ báo lỗi không tìm thấy CV. |
| **Extension point** | Không có |